

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG**

TRẦN VŨ MINH

**MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN Ở
MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHẢ NĂNG
ÁP DỤNG CHO VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế
Mã số: 62.31.07.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – 2008

Luận án được hoàn thành tại Trường Đại học Ngoại thương

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. Lê Thanh Cường
2. PGS. TS. Vũ Sĩ Tuấn**

Phản biện 1: PGS. TS Nguyễn Thị Liên

Phản biện 2: PGS. TS Lê Huy Trọng

Phản biện 3: TS Vũ Ngọc Anh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước họp tại Trường Đại học Ngoại thương
vào hồi..... giờ.....ngày.....thángnăm 2008**

Có thể tìm hiểu Luận án tại Thư viện Quốc gia

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Vũ Minh (2006), *Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan của Hải quan một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nghiên cứu Hải quan, số 6/2006.
2. Trần Vũ Minh (2006), *Một số giải pháp hoàn thiện mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Hải quan, số 3+4/2006.
3. Trần Vũ Minh (2003), *Cải cách Hải quan và ASEAN*, Tạp chí Nghiên cứu Hải quan số 6/2003.
4. Trần Vũ Minh (2003), *Hải quan Việt Nam và Hội nhập Hải quan ASEAN*, Tạp chí Nghiên cứu Hải quan số 3-4/2003.
5. Trần Vũ Minh (2003), *Chương trình hành động chung của Hải quan ASEAN*, Tạp chí Thương mại số 14/2003.
6. Trần Vũ Minh (2006), *Nâng cao hiệu quả truyền đạt và tiếp thu kiến thức chuyên đề Kiểm tra sau thông quan*, Trung tâm ĐTBĐ công chức Hải quan – Đề tài NCKH cấp cơ sở mã số 01/TTĐT/CS (Chủ nhiệm đề tài).
7. Trần Vũ Minh (2005), *Hoàn thiện mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam*, Cục Kiểm tra sau thông quan – Đề tài NCKH cấp ngành mã số 08-N2005 (tham gia đề tài).
8. Trần Vũ Minh (2004), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cải cách, phát triển và hiện đại hóa Hải quan giai đoạn 2004-2006*, Cục Kiểm tra sau thông quan – Đề tài NCKH cấp ngành mã số 09-N2004 (tham gia đề tài).

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Yêu cầu đặt ra cho ngành Hải quan trong bối cảnh thương mại phát triển nhanh chóng như hiện nay là phải đảm bảo tạo thuận lợi cho thương mại, trong đó đặc biệt chú ý đến giảm thời gian thông quan, nhưng vẫn phải quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập khẩu, bảo đảm nguồn thu và chống thất thu cho ngân sách Nhà nước. Vì vậy, cơ quan Hải quan cần tăng cường áp dụng các biện pháp nghiệp vụ tiên tiến, bao gồm cả ứng dụng mô hình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan.

Tuy nhiên, quá trình triển khai mô hình kiểm tra sau thông quan hiện nay của Hải quan Việt Nam đang gặp phải một số khó khăn như sau: Thứ nhất, nhận thức về hoạt động kiểm tra sau thông quan chưa đầy đủ; Thứ hai, là khối lượng công việc tăng nhanh; Thứ ba, là hệ thống pháp luật còn một số điểm hạn chế; Thứ tư, là ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp; Thứ năm, mô hình kiểm tra sau thông quan chưa đồng bộ.

Trên bình diện quốc tế, cơ quan Hải quan các nước tiến tiến đều coi kiểm tra sau thông quan là một khâu nghiệp vụ quan trọng trong công nghệ quản lý của Hải quan hiện đại. Hơn nữa, để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và thực hiện các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập, việc ứng dụng mô hình kiểm tra sau thông quan mang ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ bối cảnh đó, nhằm mục đích nghiên cứu một cách tổng thể cả về lý luận và thực tiễn đối với mô hình kiểm tra sau thông quan, đưa ra những giải pháp hoàn thiện mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, tôi chọn đề tài ***“Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng cho Việt nam”*** làm Luận án tiến sĩ kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Ở nước ngoài, đã có nhiều tác giả, tổ chức quốc tế phân tích vấn đề kiểm tra sau thông quan thông qua các bài viết, công trình nghiên cứu về kiểm tra sau thông quan, ví dụ như cuốn ASEAN Post – Clearance Audit Manual – The Final Draft 2004 của ASEAN, hoặc

Outline of Valuation and PCA in Japan của Kitaura Maki năm 2005. Các công trình này mới chỉ nghiên cứu về mô hình kiểm tra sau thông quan ở nước ngoài, hơn nữa, tập trung vào mô tả các kỹ thuật kiểm tra sau thông quan, chứ chưa có được một cái nhìn tổng thể về phương pháp triển khai mô hình kiểm tra sau thông quan cho một quốc gia.

Ở trong nước cũng đã có một số công trình nghiên cứu về kiểm tra sau thông quan, cụ thể như các đề tài nghiên cứu khoa học của Cục Kiểm tra sau thông quan năm 2004 và năm 2005 hoặc Cục Hải quan TP Hải Phòng năm 2002, hay cuốn Nghiệp vụ Kiểm tra sau thông quan của tác giả Phạm Ngọc Hữu năm 2004. Những bài viết, công trình nghiên cứu nêu trên, ở góc độ này hay góc độ khác mới chỉ đề cập đến chiến lược phát triển hoặc phân tích chi tiết nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan. Đây là những tài liệu tham khảo hết sức bổ ích để Luận án này kế thừa và tiếp tục phân tích nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam.

Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể về mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam. Trong nước, đây là Luận án tiến sĩ kinh tế mang tính độc lập, không bị trùng lặp và cần được tiếp tục nghiên cứu.

3. Mục đích nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở khoa học của việc phải áp dụng mô hình kiểm tra sau thông quan đối với Hải quan Việt Nam trong điều kiện hội nhập.
- Nghiên cứu mô hình kiểm tra sau thông quan của một số nước trên thế giới.
 - Đánh giá thực trạng mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam, trên cơ sở đó phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của mô hình kiểm tra sau thông quan của Việt nam hiện nay.
 - Đề xuất mô hình mới và những giải pháp vận dụng cũng như xây dựng lộ trình thực hiện đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đó, luận án có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về mô hình kiểm tra sau thông quan của một số nước và liên kết kinh tế trên thế giới, đặc biệt là các nước mô hình kiểm tra sau thông quan tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.
- Phân tích kinh nghiệm thực thi mô hình kiểm tra sau thông quan ở các nước để rút ra các bài học kinh nghiệm.
- Khẳng định yêu cầu khách quan và sự cần thiết của việc tiếp tục thực hiện mô hình kiểm tra sau thông quan đối với Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
- Đánh giá thực trạng mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam trong thời gian qua, tìm ra những nguyên nhân làm cho mô hình chưa đạt hiệu quả hoạt động mong muốn.
- Xem xét khả năng vận dụng, đề xuất mô hình và các giải pháp vận dụng mô hình kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam cũng như xây dựng lộ trình thực hiện.

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các vấn đề liên quan đến hoạt động của mô hình kiểm tra sau thông quan của một số nước và liên kết kinh tế trên thế giới, cụ thể là các nước có mô hình kiểm tra sau thông quan tiên tiến như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp và liên kết kinh tế ASEAN.
- Các vấn đề liên quan đến hiện trạng của mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam.
- Các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của Hải quan Việt Nam trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan, các điều ước quốc tế và quy định liên quan đến hoạt động kiểm tra sau thông quan

5.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, trong khuôn khổ Luận án này, và với sự hạn chế của tác giả, Luận án không có tham vọng phân tích được hết mọi vấn đề liên quan đến mô hình kiểm tra sau thông quan. Vì vậy, khi phân tích nhưng vấn đề về mô hình kiểm tra sau thông quan, Luận án chỉ tập trung vào việc mô hình hóa và phân tích *mô hình nghiệp vụ* và *mô hình tổ chức thực hiện*, đồng thời xem xét *mối quan hệ tương tác giữa các đơn vị chức năng trong hoạt động thực thi mô hình*.

- Khi phân tích mô hình kiểm tra sau thông quan của các nước, tác giả chọn 5 nước và liên kết kinh tế là Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Pháp và ASEAN để rút ra bài học kinh nghiệm cho Hải quan Việt Nam.
- Về mặt thời gian, Luận án giới hạn ở việc phân tích mô hình kiểm tra sau thông quan đến thời điểm năm 2007, sau khi đã thực hiện Luật bổ sung sửa đổi một số điều của Luật Hải quan 2001 (Luật Hải quan 2005).

6. Phương pháp nghiên cứu

- Những phương pháp chính được sử dụng trong quá trình thực hiện Luận án được dựa trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.
 - Khi khảo cứu mô hình của Việt Nam và các nước, Luận án này chủ yếu sử dụng các phương pháp mô phỏng, tổng hợp và phân tích nhằm tiếp cận các vấn đề một cách có hệ thống. Thêm vào đó, các phương pháp truyền thống như so sánh, thống kê, luận giải, điều tra xã hội học được sử dụng kết hợp.
 - Đồng thời, để thu thập thông tin và minh họa rõ nội dung, cả phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk study) và nghiên cứu tại hiện trường (field study) đều được sử dụng. Việc thu thập thông tin thông qua Internet, ứng dụng thành tựu mới nhất về khoa học cũng đóng góp phần đáng kể vào nội dung Luận án.
 - Luận án vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm về phát triển kinh tế của Đảng làm nền tảng, kết hợp với ứng dụng thực tiễn để có cơ sở đề xuất giải pháp.

7. Những điểm mới của luận án

- Làm rõ những vấn đề lý luận chung về mô hình kiểm tra sau thông quan của các nước trên thế giới và Việt nam;
- Phân tích mô hình kiểm tra sau thông quan của một 05 quốc gia và liên kết kinh tế (Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, ASEAN) với đặc thù của từng mô hình, rút ra các bài học kinh nghiệm và khả năng áp dụng cho Việt Nam;
- Đánh giá khách quan thực trạng mô hình kiểm tra sau thông quan

của Hải quan Việt nam. Phân tích rõ những yếu kém, bất cập và nguyên nhân đối với mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam.

- Đề xuất mô hình kiểm tra sau thông quan mới, đặc biệt là điểm mới trong phương thức hoạt động của mô hình, đề xuất các giải pháp khả thi vận dụng và lộ trình thực hiện cho Hải quan Việt Nam.

8. Bố cục của luận án

Ngoài lời nói đầu và các phụ lục, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, các bảng biểu, nội dung luận án được phân bố thành 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về mô hình và mô hình kiểm tra sau thông quan

Chương 2: Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Hải quan Việt nam

Chương 3: Đề xuất mô hình kiểm tra sau thông quan cho Hải quan Việt Nam

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ MÔ HÌNH VÀ MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH

1.1.1. Tổng quan về mô hình

Trong khoa học, mô hình là một trong những công cụ quan trọng nhất của nhận thức khoa học, là hình ảnh của đối tượng nghiên cứu hay điều khiển. Mô hình là sự trừu tượng hóa, mô tả mặt bản chất của một vấn đề hoặc một cấu trúc phức tạp bằng cách loại bỏ những chi tiết không quan trọng, khiến cho cấu trúc phức tạp trở nên dễ hiểu và dễ nắm bắt hơn. Có thể phân chia mô hình thành hai nhóm mô hình trừu tượng hay mô hình vật chất theo hệ thống. Mô hình được gọi là trừu tượng (quan niệm), hay vật chất (vật lý, kinh tế) tùy thuộc nó là hệ thống như thế nào, tức là phụ thuộc vào việc lựa chọn mô hình hoá.

1.1.2. Phương pháp mô phỏng

Phương pháp mô phỏng là một phương pháp gián tiếp, trong đó các hiện tượng nghiên cứu, các đối tượng khảo sát được thay thế bởi hình ảnh của chúng, gọi là các “mô hình”. Như vậy, phương pháp mô phỏng chính là phương pháp tiếp cận bằng mô hình hoá các đối tượng và các hiện tượng cần khảo cứu.

Việc thể hiện mô hình cụ thể có thể được thực hiện thông qua mô hình kinh tế hoặc mô hình toán kinh tế. Điểm khác nhau giữa mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế là ngôn ngữ dùng để xây dựng hay biểu đạt. Đối với mô hình kinh tế, đó là ngôn ngữ kinh tế và đối với mô hình toán kinh tế là ngôn ngữ toán học.

Cấu trúc của quá trình mô hình hoá thường có ba thành phần là: - Mô tả tập hợp các khái niệm và mô hình; Mô tả quy trình thực hiện; Mô tả các công cụ trợ giúp. Đây là nền tảng lý luận cơ bản để triển khai nội dung nghiên cứu ở phần tiếp theo của luận án.

1.1.3. Mô hình kinh tế

Khi nghiên cứu mô hình kinh tế người ta phân loại ra mô hình kinh tế vĩ mô, mô hình kinh tế vi mô và mô hình kinh tế phát triển. Mô hình kiểm tra sau thông quan được coi như một mô hình kinh tế vi mô với các đặc trưng thuộc hệ thống bao hàm lớn hơn.

1.1.4. Mô hình toán kinh tế

Mô hình toán kinh tế thường được sử dụng để mô hình hóa các hiện tượng kinh tế với đặc trưng là dùng các công cụ toán học.

1.2. MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.2.1. Khái quát chung về kiểm tra sau thông quan

“Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan, diễn ra sau khi hàng hóa đã được thông quan, nhằm kiểm tra tính chính xác và trung thực các nội dung khai báo hải quan trong quá trình thông quan”

1.2.2. Mô hình kiểm tra sau thông quan tổng quát

“Mô hình kiểm tra sau thông quan là một mô hình nghiệp vụ hải quan, nằm trong hệ thống nghiệp vụ chung, được thực thi sau khi hàng hóa đã được thông quan nhằm đảm bảo tính chính xác và trung thực của nội dung khai báo hải quan và tính tuân thủ các quy định pháp luật hải quan của đối tượng kiểm tra”.

Mô hình kiểm tra sau thông quan sẽ gồm các yếu tố đầu vào (đối tượng xử lý), quy trình xử lý đối tượng, môi trường hoạt động (điều kiện hoạt động và công cụ hỗ trợ) và đầu ra của mô hình. Một quy trình kiểm tra sau thông quan tổng quát sẽ bao gồm ba thành phần nối tiếp nhau theo thứ tự: Lập kế hoạch và lựa chọn đối tượng kiểm tra; tiến hành kiểm tra thực tế; xử lý kết quả kiểm tra.

Quy trình kiểm tra sau thông quan, được xem xét như là một thành phần của mô hình (hệ con), đồng thời cũng là cấu phần của quá trình phân tích hệ thống cũng như khảo sát mô hình kiểm tra sau thông quan. Cần lưu ý, quy trình là một cấu phần của mô hình, nhưng mô hình còn nhiều thành phần khác, nên mô hình không phải là quy trình và bản thân quy trình càng không phải là mô hình. Việc xem xét quy trình sẽ giúp cho quá trình phân tích hệ thống chính xác hơn.

Để thực hiện quy trình, cần có tổ chức bộ máy công chức Hải quan thực thi. Đồng thời cần có các công cụ hỗ trợ chính như nghiệp vụ điều tra, xác minh, kiểm toán, quản lý rủi ro. Tổng quát, nghiên cứu một mô hình sẽ được xem xét trên 3 khía cạnh: tổ chức bộ máy, quy trình nghiệp vụ và công cụ hỗ trợ. Các nội dung này là cơ sở lý luận để phân tích mô hình kiểm tra sau thông quan của một số nước ở Chương sau.

1.3. MỘT SỐ CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC THI MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.3.1. Nghiệp vụ kiểm toán

Kiểm tra sau thông quan thực chất là một quá trình ứng dụng những kiến thức kiểm toán cơ bản để xét đoán, thẩm định tính trung thực, tính chính xác của các thông tin mà chủ hàng đã khai báo với cơ quan Hải quan. Nghiệp vụ kiểm toán nói chung hết sức phong phú và đa dạng, tuy nhiên, trong phạm vi luận án này chỉ giới thiệu những kiến thức cơ bản có liên quan trực tiếp đến việc thực thi mô hình kiểm tra sau thông quan.

1.3.2. Nghiệp vụ điều tra

Điều tra vi phạm là một trong những công cụ hữu hiệu để hỗ trợ thực thi mô hình kiểm tra sau thông quan. Điều tra vi phạm hỗ trợ thực thi kiểm tra sau thông quan có thể do các đơn vị chuyên trách (lực lượng kiểm soát) chịu trách nhiệm, hoặc do lực lượng kiểm tra sau thông quan tiên hành trong phạm vi quy định. Mối quan hệ giữa điều tra vi phạm và kiểm tra sau thông quan là mối quan hệ biện chứng, hỗ trợ lẫn nhau, minh họa rõ thêm cơ chế hoạt động của mô hình kiểm tra sau thông quan trong tổng thể hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt là quan hệ tương tác với các nghiệp vụ khác.

1.3.3. Kỹ thuật quản lý rủi ro

Trong lĩnh vực hải quan, quản lý rủi ro được hiểu là việc áp dụng có hệ thống các thủ tục quản lý nhằm cung cấp cho cơ quan hải quan các thông tin cần thiết để xác định các lô hàng có rủi ro. Việc xác định các rủi ro giúp cho cơ quan Hải quan có thể tập trung nguồn lực vào những lô hàng trọng tâm trọng điểm, địa bàn trọng tâm trọng điểm, không bị phân tán đồng thời tăng mức độ kiểm tra tuân thủ và tạo thuận lợi cho thương mại. Các cơ quan Hải quan tiên tiến trên thế giới đều có xu hướng chuyển sang phương pháp quản lý hiện đại trên nền tảng hệ thống quản lý rủi ro.

CHƯƠNG 2 : MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO HẢI QUAN VIỆT NAM

Lý do lựa chọn mô hình của các nước và liên kết kinh tế dưới đây để nghiên cứu là mô hình của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới (Nhật Bản, Pháp), hoặc có điều kiện kinh tế và địa lý tương tự Việt Nam nhưng

phát triển ở mức cao hơn (Hàn Quốc, Trung Quốc) và một là chuẩn mực theo khuyến nghị của khu vực (mô hình ASEAN).

2.1. MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA HẢI QUAN NHẬT BẢN

2.1.1. Giới thiệu chung về Hải quan Nhật Bản

Hải quan Nhật Bản được coi là một trong những cơ quan Hải quan tiên tiến nhất trên thế giới, do đó, những kinh nghiệm của Nhật Bản trong quá trình thực thi nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan là rất quan trọng.

2.1.2. Mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Nhật Bản

Mô hình Nhật Bản có thể được gọi là mô hình kiểm tra sau thông quan ứng dụng quản lý rủi ro. Hải quan Nhật Bản được tổ chức theo cơ cấu Hải quan vùng, trực thuộc Bộ Tài chính. Mỗi vùng có 01 đơn vị chuyên trách về kiểm tra sau thông quan, trong đó cơ cấu tổ chức được chia thành 04 bộ phận: Bộ phận điều phối, Bộ phận trị giá, Đội kiểm tra trực tiếp và Bộ phận tình báo.

Quy trình nghiệp vụ được chia thành 3 bước: Lựa chọn đối tượng, kiểm tra thực tế, đánh giá kết quả kiểm tra. Tỷ lệ lựa chọn đối tượng kiểm tra dựa trên cơ sở quản lý rủi ro của Hải quan Nhật Bản được xem xét kỹ, dựa trên các chỉ tiêu đánh giá rủi ro, mà chỉ tiêu quan trọng nhất chính là kim ngạch nhập khẩu và số thuế phải nộp.

Hệ thống công cụ hỗ trợ có hiệu quả nhất và mang đặc trưng nhất của Hải quan Nhật Bản là hệ quản lý rủi ro, được thực thi dựa trên một nền tảng công nghệ thông tin hoàn hảo. Thêm vào đó, Hải quan Nhật cũng có một số thẩm quyền trong lĩnh vực điều tra xác minh. Đồng thời nghiệp vụ kiểm toán cũng được Hải quan Nhật hết sức coi trọng, như một nhân tố quyết định sự thành công của kiểm tra sau thông quan.

2.1.3. Đánh giá mô hình

Các kinh nghiệm được xem xét từ mô hình của Hải quan Nhật Bản là: Mô hình tổ chức theo Hải quan vùng là phù hợp với xu thế phát triển chung; Ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại là điểm quan trọng nhất trong áp dụng mô hình kiểm tra sau thông quan; Lựa chọn đối tượng kiểm tra nên áp dụng hệ thống lọc qua nhiều lần và nhiều tiêu chí, nhằm đạt tỷ lệ tương đối là khoảng từ 10 – 12%, mang độ rủi ro cao nhất, và cần đưa vào hệ thống kiểm tra; Khả năng tập trung hóa xử lý dữ liệu

là nhân tố cốt lõi của hệ thống thông tin phục vụ không chỉ kiểm tra sau thông quan, mà còn ứng dụng trong tất cả các khâu nghiệp vụ khác; Cần có chế tài xử phạt với các hành vi không tuân thủ quy định về kiểm tra sau thông quan.

2.2. MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA HẢI QUAN HÀN QUỐC

2.2.1. Giới thiệu chung về Hải quan Hàn Quốc

Sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế Hàn Quốc cũng mang lại cho đất nước những cơ hội và thách thức đối với vai trò quản lý nhà nước. Vì vậy, những kinh nghiệm thực hiện của Hải quan Hàn Quốc cũng hết sức có ý nghĩa đối với Hải quan Việt Nam, đặc biệt là kiểm tra sau thông quan.

2.2.2. Hệ thống kiểm toán hải quan – đặc trưng của Hải quan Hàn Quốc

Cơ quan Hải quan Hàn quốc thực hiện công tác kiểm toán hải quan phù hợp với quy định tại Luật Hải quan thông qua việc kiểm toán trước và kiểm toán sau. Hai công cụ này không được tiến hành tách rời, tuy có một số điểm khác nhau, mà phải được tiến hành bổ trợ cho nhau, cùng hướng đến mục tiêu chung của một hệ thống thông quan hiện đại, vừa đảm bảo thông quan nhanh, đồng thời đảm bảo thu thuế chính xác.

2.2.3. Mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Hàn Quốc

Về tổ chức, hệ thống kiểm tra sau thông quan của Hải quan Hàn Quốc được chia thành 03 cấp: cấp Bộ (Cục Chính sách kiểm toán), cấp vùng (06 đơn vị Hải quan vùng - main Customs Houses) có bộ phận kiểm toán trực thuộc, cấp cửa khẩu.

Hải quan Hàn Quốc chia các trường hợp kiểm tra sau thông quan thành 03 loại:

Loại thứ nhất là kiểm tra ngay cùng thời điểm thông quan (hay còn gọi là kiểm tra theo từng trường hợp cụ thể - audit by case).

Loại thứ hai là kiểm tra theo kế hoạch (Planned audit).

Loại thứ ba là kiểm tra tổng thể (Comprehensive audit).

Quy trình kiểm tra của Hàn Quốc cũng như thông lệ, bao gồm lựa chọn đối tượng, kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra. Hải quan Hàn Quốc đặc

biệt coi trọng công cụ hỗ trợ là nghiệp vụ kiểm toán.

Mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Hàn Quốc mang nhiều đặc điểm tiên tiến và khả dụng, nhất là về phương pháp kiểm toán trước và phương pháp lựa chọn đối tượng kiểm tra tổng thể và theo kế hoạch.

2.2.4. Đánh giá mô hình

Những kinh nghiệm được tổng hợp sau đây sẽ mô tả, đánh giá điểm mạnh yếu của mô hình: Kinh nghiệm về mô hình tổ chức theo Hải quan vùng; Kinh nghiệm về áp dụng kiểm tra sau thông quan ngay cùng thời điểm thông quan; Kinh nghiệm về áp dụng hệ thống tự đánh giá, trong đó đề cao vai trò tự khai báo và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp, nhằm nâng cao tính tự nguyện tuân thủ của doanh nghiệp; Kinh nghiệm về tỉ lệ kiểm tra - tỉ lệ kiểm tra của Hàn Quốc là tương đối cao, thực sự chưa thích hợp với việc áp dụng quản lý rủi ro.

2.3. MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA HẢI QUAN TRUNG QUỐC

2.3.1. Giới thiệu chung về Hải quan Trung Quốc

Với đặc điểm về địa lý rất phức tạp, vai trò quản lý của Hải quan Trung Quốc cũng được nhà nước điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp. Đó cũng là những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam khi tiến hành cải cách và hiện đại hóa Hải quan.

2.3.2. Mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Trung Quốc

Mô hình thực thi kiểm tra sau thông quan của Hải quan Trung Quốc được thiết lập vào năm 1994. Hiện nay, Cục Điều tra của Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm chính về công tác kiểm toán, bao gồm bộ phận kiểm toán và bộ phận điều tra thương mại. Tại các cơ quan Hải quan vùng cũng có các bộ phận kiểm toán và nhân viên kiểm toán chuyên nghiệp với tổng số khoảng 1700 nhân viên trong toàn quốc. Mô hình tổ chức này cho thấy sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế về tổ chức kiểm tra sau thông quan của WCO.

Hệ thống lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan hoạt động theo phương thức:

- Kết hợp giữa phân tích rủi ro và kiểm tra sau thông quan.

- Kết hợp giữa kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

- Kết hợp giữa kiểm tra và thi hành nội quy của doanh nghiệp.

Về quy trình nghiệp vụ, công tác kiểm tra sau thông quan của Hải quan Trung Quốc được tiến hành theo 4 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị; Giai đoạn thực thi; Giai đoạn xử lý sơ bộ; Giai đoạn đánh giá kết quả.

Hải quan Trung Quốc sử dụng công cụ hỗ trợ là hệ thống tình báo hải quan, trong đó quy định thẩm quyền rất mạnh của lực lượng cảnh sát hải quan, cho phép cơ quan Hải quan có quyền bắt giữ, thẩm tra, điều tra và xác minh các thông tin, cung cấp cho hệ thống kiểm tra sau thông quan. Ngoài ra, công cụ quản lý rủi ro và kiểm toán cũng được áp dụng tương ứng, phục vụ mô hình kiểm tra sau thông quan.

2.3.3. Đánh giá mô hình

Điểm mạnh của mô hình này là nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của hệ thống tin tình báo vô cùng phong phú và hiệu quả. Tuy nhiên xuất phát từ đặc điểm địa lý và kinh tế, sự phát triển không đồng đều giữa các miền đã dẫn đến sự phức tạp trong việc quản lý. Đây cũng là một bài học kinh nghiệm về tổ chức bộ máy phù hợp và hiệu quả.

2.4. MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA HẢI QUAN PHÁP

2.4.1. Giới thiệu chung về Hải quan Pháp

Pháp là một trong những quốc gia phát triển nhất thế giới. Đồng thời, công tác kiểm tra sau thông quan của Hải quan Pháp cũng có điểm đặc thù, đó là không có hệ thống riêng mà được tích hợp trong các đơn vị chức năng khác nhau. Xem xét dưới khía cạnh đó cũng góp phần vào việc phát triển mô hình cho Việt Nam.

2.4.2. Mô hình kiểm tra sau thông quan tích hợp trong đơn vị chức năng của Hải quan Pháp

Hải quan Pháp không tổ chức đơn vị chuyên trách trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan mà đặt trong các đơn vị chức năng khác nhau như điều tra vi phạm, kiểm tra. Quy trình kiểm tra sau thông quan gồm các bước: Bước 1, Kế hoạch tổng thể; Bước 2, Thu thập thông tin về đối tượng, vụ việc; Bước 3, Kiểm tra thực tế; Bước 4, Kết luận; Bước 5: Đưa vào cơ sở dữ liệu.

Các đối tượng kiểm tra của mô hình không được chọn lựa theo các tiêu chí

quản lý như ở một số quốc gia khác, mà được tiến hành kiểm tra dựa trên cơ sở thông tin tình báo mà điểm quan trọng nhất là khâu phân tích thông tin để lựa chọn đối tượng kiểm tra dựa trên cơ sở quản lý rủi ro. Đó cũng là công cụ hỗ trợ quan trọng nhất đối với Hải quan Pháp để tiến hành hỗ trợ thực thi kiểm tra sau thông quan.

2.4.3. Đánh giá mô hình

Điểm mạnh của mô hình này là kiểm tra sau thông quan được thực hiện trong tổng thể các hoạt động điều tra gian lận, nên có đủ quyền lực tiến hành công việc. Cũng do đặc thù của hệ thống kiểm tra sau thông quan nằm trong bộ phận điều tra vi phạm, qua nghiên cứu về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, cách làm, có thể thấy dường như Hải quan Pháp chỉ chú trọng đến các trường hợp có dấu hiệu sai phạm, không chú trọng nhiều đến kiểm tra chung để đánh giá sự tuân thủ. Hơn nữa, về hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra sau thông quan được coi là hoạt động mang tính chất điều tra, thể hiện qua cách làm và thẩm quyền của điều tra viên.

2.5. MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA HẢI QUAN ASEAN

2.5.1. Giới thiệu chung về quan hệ hợp tác Hải quan ASEAN

Quan hệ hợp tác Hải quan ASEAN đã có quá trình lịch sử lâu dài. Là một thành viên của ASEAN, Việt Nam cũng nên xem xét thực hiện các cam kết về Hải quan trong ASEAN, cụ thể trong trường hợp này là các vấn đề về kiểm tra sau thông quan.

2.5.2. Mô hình kiểm tra sau thông quan mẫu của ASEAN

Hải quan ASEAN khuyến nghị các nước thành viên nên thành lập một đơn vị chuyên trách về kiểm tra sau thông quan tại cơ quan Tổng cục hay các đơn vị trực thuộc. Tùy thuộc vào từng nước, có thể có các đơn vị thực thi tại các vùng trực thuộc.

Tổng quát, quy trình kiểm tra sau thông quan theo khuyến nghị của Hải quan ASEAN gồm 3 bước: lựa chọn đối tượng kiểm tra, kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra. Do sự ảnh hưởng của Hải quan Nhật Bản trong quá trình xây dựng hệ thống, quy trình kiểm tra sau thông quan của ASEAN đồng nhất gần như tuyệt đối với quy trình của Hải quan Nhật Bản. Tuy nhiên, trong khi thực hiện lộ trình cam kết, một số nước có thể chưa áp dụng ngay các nội

dung chuẩn mực đã được ASEAN quy định.

Để thực hiện kiểm tra, mô hình cần có một số công cụ hỗ trợ cụ thể, đặc biệt là quản lý rủi ro và quản lý thông tin, được coi là đặc điểm nổi bật của mô hình kiểm tra sau thông quan theo chuẩn mực ASEAN so với các mô hình khác.

2.5.3. Đánh giá mô hình kiểm tra sau thông quan mẫu của ASEAN

Điểm mạnh của mô hình này là sự “hoàn hảo” dựa trên một hệ thống đánh giá rủi ro “lý tưởng” cho tất cả các khâu trong quy trình kiểm tra trực tiếp. Để áp dụng, ASEAN đã đưa ra khuyến nghị chuẩn và chương trình hành động cụ thể cho các nước thành viên.

Tuy nhiên, sự “hoàn hảo” của mô hình cũng chính là điểm yếu, do các điều kiện tại quốc gia áp dụng chưa thể đáp ứng được yêu cầu. Quá trình thực hiện áp dụng mô hình khuyến nghị này sẽ gặp một số vấn đề phát sinh do môi trường tài chính và pháp luật ở các nước thành viên chưa thực sự minh bạch.

2.6. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ việc nghiên cứu các mô hình trên, các bài học kinh nghiệm sau đây cần được xem xét kỹ, cả trên góc độ thành công cũng như những vấn đề chưa hoàn hảo, để làm cơ sở đề xuất mô hình ứng dụng cho Hải quan Việt Nam.

2.6.1. Hệ thống pháp luật minh bạch

2.6.2. Cơ cấu tổ chức Hải quan các cấp phù hợp

2.6.3. Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực

2.6.4. Ứng dụng quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin

2.6.5. Công tác phối hợp

CHƯƠNG 3 : ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CHO HẢI QUAN VIỆT NAM

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ÁP DỤNG MÔ HÌNH MỚI VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Sự cần thiết phải áp dụng mô hình mới về kiểm tra sau thông quan được thể hiện qua các nội dung phân tích và đánh giá thực trạng mô hình hiện hành, đồng thời xem xét tới định hướng phát triển kiểm tra sau thông quan trong tương lai.

3.1.1. Mô hình hiện hành

Mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam hiện nay được chia làm 2 cấp, cơ cấu tổ chức theo các Quyết định số 33/2006/QĐ-BTC ngày 06/6/2008 và 1092/QĐ-TCHQ ngày 26/6/2008. Tại cấp Tổng cục, Cục Kiểm tra sau thông quan được tổ chức thành Phòng Kế hoạch tổng hợp, Thu thập và xử lý thông tin và 05 Phòng Nghiệp vụ vừa phụ trách chuyên đề (từ Phòng NV4 – NV4), vừa phụ trách địa bàn (NV5). Tại Cục Hải quan tỉnh thành phố, các Chi cục Kiểm tra sau thông quan được chia thành 03 loại tùy theo khối lượng công việc của từng Cục, mỗi loại có số lượng các đội công tác trực thuộc khác nhau.

Kiểm tra sau thông quan được tiến hành tại trụ sở cơ quan Hải quan hoặc trụ sở đơn vị được kiểm tra trong 2 trường hợp có dấu hiệu vi phạm và kiểm tra theo kế hoạch. Quy trình kiểm tra hiện hành tuân thủ Quyết định 621/QĐ-TCHQ ngày 29/3/2006, bao gồm 7 bước đối với trường hợp kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan và 5 bước đối với trường hợp kiểm tra tại trụ sở đơn vị được kiểm tra.

Để phục vụ thực thi mô hình, Hải quan Việt Nam hiện bước đầu sử dụng các công cụ hỗ trợ là nghiệp vụ kiểm toán, quản lý rủi ro và nghiệp vụ điều tra xác minh. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng các công cụ hỗ trợ nói trên còn hạn chế, đặc biệt là quản lý rủi ro và điều tra xác minh. Hiện cơ quan Hải quan Việt Nam chưa có được một cơ sở dữ liệu riêng phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan trên cơ sở ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro. Đồng thời, do các quy định hạn chế về thẩm quyền, nên công tác điều tra xác minh chưa được áp dụng đúng mức, mà chủ yếu là trao đổi thông tin với đơn vị điều tra của Tổng cục Hải quan.

3.1.2. Đánh giá thực trạng mô hình hiện hành

Dựa trên các nghiên cứu và một số kết quả khảo sát thực tế, mô hình hiện hành có những điểm cần lưu ý như sau:

Điểm mạnh

Xác định rõ kết quả hoạt động gồm hai yếu tố số tiền truy thu và mức độ tuân thủ pháp luật; Cơ sở pháp lý có hệ thống, tuy chưa đầy đủ; Đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản, có chuyên môn tốt; Có tăng cường trao đổi kinh

Điểm yếu

Đang trong tiến trình hiện đại hóa, hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện, cụ thể như quy định về đối tượng kiểm tra, các quy định về thẩm quyền kiểm tra và xử phạt, các quy định về yêu cầu cung cấp thông tin, các quy định về trao đổi thông tin; Hệ thống lựa chọn đối tượng kiểm tra chưa phù hợp; Phối hợp cung cấp thông tin chưa hiệu quả; Các vấn đề về tổ chức và đào tạo; Chồng chéo chức năng giữa các Phòng thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan, tổ chức tại địa phương chưa phù hợp.

Thách thức

Thách thức lớn nhất đối với mô hình kiểm tra sau thông quan hiện hành là việc đảm bảo chặt chẽ vai trò quản lý nhà nước đồng thời tạo thuận lợi cho thương mại. Để vượt qua những yêu cầu nhiệm vụ nặng nề đó, mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam cần được bổ sung, tăng cường và hoàn thiện các vấn đề cụ thể gồm quy trình nghiệp vụ, ứng dụng quản lý rủi ro và phát triển nguồn nhân lực.

Cơ hội trong bối cảnh phát triển

Trong tiến trình phát triển, Hải quan Việt Nam đang đứng trước một cơ hội lớn để tiến hành hiện đại hóa trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, trong đó có việc phát triển mô hình kiểm tra sau thông quan.

3.1.3. Định hướng phát triển mô hình kiểm tra sau thông quan

Các cơ quan Hải quan trên thế giới hiện nay đều phải tiến hành xây dựng và thực hiện cải cách theo hướng áp dụng các biện pháp quản lý hải quan hiện đại, trong đó có việc áp dụng biện pháp kiểm tra sau thông quan trên nền tảng kỹ thuật quản lý rủi ro ứng dụng công nghệ thông tin tập trung và phân quyền xử lý dữ liệu. Do yêu cầu từ thực tế công việc và bối cảnh hội nhập, phát triển kiểm tra sau thông quan theo các chuẩn mực quốc tế đã được WCO cũng như Hải quan ASEAN khuyến nghị là tất yếu khách quan đối với Hải quan Việt Nam

3.2. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CHO HẢI QUAN VIỆT NAM

3.2.1. Đánh giá tổng quát khả năng áp dụng các

mô hình đã khảo cứu

Khi xét khả năng áp dụng cho Việt Nam, không thể lấy toàn bộ một mô hình nào đó mà phải khảo cứu cụ thể hoàn cảnh hoạt động của Việt Nam. Giải pháp tối ưu là xây dựng mô hình riêng của Việt Nam, dựa trên các ưu điểm của các mô hình đã được lựa chọn nghiên cứu.

3.2.2. Xây dựng mô hình kiểm tra sau thông quan ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro của Hải quan Việt Nam

Mô hình đề xuất sẽ là mô hình kiểm tra sau thông quan ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro, chủ yếu sử dụng các kết quả từ mô hình của Nhật và ASEAN. Mô hình đề xuất đồng thời sử dụng bổ sung các điểm mạnh của những mô hình đã khảo cứu khác.

Hệ thống tổ chức của mô hình đề xuất được sửa đổi dựa trên nền tảng cơ cấu tổ chức cũ, được tổ chức lại theo hướng phân công quản lý địa bàn để phục vụ mục đích kiểm tra tổng thể và phù hợp với định hướng mô hình tổ chức Hải quan vùng. Theo đó, Cục Kiểm tra sau thông quan và Chi cục Kiểm tra sau thông quan sẽ được chia thành 02 bộ phận chính, thu thập xử lý thông tin và kiểm tra trực tiếp. Bộ phận thu thập và xử lý thông tin phải đảm nhiệm cả chức năng điều phối và lập kế hoạch chung toàn ngành. Bộ phận kiểm tra trực tiếp được tổ chức phân công quản lý địa bàn, có thể có nhiều đơn vị kiểm tra tùy nhu cầu công việc.

Đầu vào của mô hình xác định bao gồm đối tượng kiểm tra trực tiếp của kiểm tra sau thông quan là chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và đối tượng gián tiếp là các tổ chức, cá nhân có liên quan. Điều này cho phép áp dụng một cách có hiệu quả hướng tiếp cận kỹ thuật quản lý rủi ro, dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý rủi ro, đòi hỏi có một hệ thống hạ tầng thông tin và các tiêu chí quản lý hiện đại, chi tiết cho từng đối tượng. Hạt nhân của quy trình lựa chọn đối tượng sẽ là một hệ thống tự động hoá có khả năng tiếp nhận và xử lý các dữ liệu phục vụ quá trình kiểm tra sau thông quan một cách hoàn toàn tự động. Điểm mấu chốt của quy trình xử lý sẽ là việc lựa chọn đối tượng kiểm tra theo kế hoạch, bỏ yếu tố chỉ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm như quy định hiện hành.

Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, cụ thể là từ mô hình của Nhật Bản và ASEAN, quy trình thực thi mô hình kiểm tra sau thông quan nên tập trung vào 3 bước: lựa chọn đối tượng kiểm tra, kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra. Kết quả xử lý sẽ bao gồm kết quả truy thu và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật.

Các công cụ hỗ trợ được sử dụng trong mô hình là nghiệp vụ kiểm toán, điều tra, hệ thống quản lý rủi ro, kiến thức bổ trợ như tin học, ngoại ngữ, kế toán doanh nghiệp và hệ thống trao đổi thông tin với các đơn vị chức năng hiệu quả.

3.2.3. Phân tích đánh giá mô hình đề xuất xây dựng

3.2.3.1. Điểm mới của mô hình đề xuất

Thực chất, sau khi phân tích vai trò và vị trí của kiểm tra sau thông quan trong hệ thống hoạt động chung và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước, có thể thấy rằng, quy trình nghiệp vụ của các nước là tương đối giống nhau. Điểm làm nên sự khác biệt chính là các yếu tố cấu thành nên mô hình như quy mô, tổ chức bộ máy và đặc biệt là phương pháp lựa chọn đối tượng kiểm tra.

Phát triển luận điểm đó, điểm mới của mô hình đề xuất là: Xây dựng mô hình tổ chức theo hướng địa bàn chuyên sâu, phù hợp với định hướng phát triển mô hình Hải quan vùng; Xây dựng hệ thống mới sử dụng các chỉ tiêu đánh giá rủi ro làm cơ sở để lựa chọn đối tượng kiểm tra; Quy định rõ các vấn đề thuộc về thực thi quy trình nghiệp vụ, tăng thẩm quyền của cơ quan Hải quan; Xây dựng các quy định trợ giúp, phối hợp với các đơn vị chức năng khác.

3.2.3.2. Điểm mạnh

Thứ nhất là, xác định rõ hai yếu tố đầu ra là số tiền truy thu và mức độ tuân thủ pháp luật (là những yêu cầu tất yếu đối với mô hình quản lý hải quan hiện đại). Thứ hai là, cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra sau thông quan được quy định một cách cơ bản và có hệ thống. Thứ ba là, nguồn nhân lực được quan tâm phát triển theo các tiêu chuẩn thích hợp. Thứ tư là, tận dụng được các kinh nghiệm của Hải quan các nước.

3.2.3.3. Điểm yếu

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh trên đây, mô hình kiểm tra sau thông quan đề xuất còn điểm yếu cơ bản nhất là sẽ gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu áp dụng, phát xuất từ chính những yêu cầu thực thi để khẳng định các điểm mạnh nói trên, cụ thể là: Thứ nhất là, nguyên tắc quản lý rủi ro chưa được áp dụng triệt để; Thứ hai là, việc phối hợp và cung cấp thông tin giữa các đơn vị chức năng chưa thật hiệu quả; Thứ ba là, hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp chưa đồng bộ giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan

chức năng quản lý nội địa khác; Thứ tư là, ý thức tuân thủ pháp luật và sự hợp tác của các doanh nghiệp chưa cao.

3.2.3.4. Thách thức

Cũng từ việc phân tích các điểm yếu trên đây, có thể thấy thách thức lớn nhất đối với việc thực thi mô hình đề xuất là: Hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan; Ứng dụng quản lý rủi ro triệt để; Xây dựng cơ chế phối hợp, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng; Đồng bộ hóa hệ thống quản lý xuất nhập khẩu và thuế nội địa; Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và sự hợp tác với cơ quan Hải quan của các doanh nghiệp.

3.2.3.5. Cơ hội trong bối cảnh phát triển

Hải quan Việt Nam đang phải thực hiện các cam kết trong quá trình hội nhập, trong đó có kiểm tra sau thông quan trong khuôn khổ WTO và ASEAN. Đồng thời, Hải quan Việt Nam đã và đang nhận được nhiều sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổ chức Hải quan thế giới, của Hải quan các nước về lĩnh vực kiểm tra sau thông quan.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP ÁP DỤNG MÔ HÌNH ĐỀ XUẤT VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

3.3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm tra sau thông quan

Do các quy phạm pháp luật còn có một số hạn chế, việc hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về kiểm tra sau thông quan là mang tính cấp thiết. Cụ thể là sửa đổi Luật Hải quan quy định về kiểm tra sau thông quan theo hướng áp dụng quản lý rủi ro; quy định rõ thẩm quyền kiểm tra và xử phạt, truy thu thuế; hướng dẫn thẩm quyền khởi tố điều tra; quy định chi tiết cơ chế phối hợp với các đơn vị chức năng khác; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế.

3.3.2. Tập trung xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức

Đối với mục tiêu dài hạn, nghiên cứu áp dụng mô hình tổ chức Hải quan vùng, từ đó có mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan phù hợp. Trong ngắn hạn và trung hạn, nên tổ chức lại Cục Kiểm tra sau thông quan theo hướng chuyên sâu, theo một tiêu chí nhất định tránh chồng chéo, gồm các bộ phận: Thu thập và xử lý thông tin, tổng hợp điều phối và kiểm tra trực tiếp. Riêng ở Chi cục, nên tổ chức thành 2 nhóm: nhóm điều tra xác minh, thu thập thông tin và nhóm kiểm tra trực tiếp. Đối với đội ngũ cán bộ, cần quan

tâm lựa chọn cán bộ có đủ năng lực, kinh nghiệm, đặc biệt là trong lĩnh vực kiểm toán và điều tra xác minh.

3.3.3. Hoàn thiện mô hình nghiệp vụ

Các công việc phải tiến hành gồm có: quy định cụ thể đối tượng kiểm tra sau thông quan; nghiên cứu sửa đổi theo hướng tổ chức quy trình kiểm tra gồm 3 bước: lựa chọn đối tượng kiểm tra, tiến hành kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra; quy định rõ ràng thẩm quyền xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan, chế tài xử phạt đối với trường hợp không tuân thủ; tổ chức quản lý doanh nghiệp, xây dựng danh bạ doanh nghiệp phục vụ thu thập và xử lý thông tin; xây dựng hệ thống lựa chọn đối tượng kiểm tra tự động, dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu và công nghệ thông tin tiên tiến; tăng cường ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong mô hình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan. Những nội dung chủ yếu sẽ áp dụng quản lý rủi ro trong nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan sẽ bao gồm: Phân tích, đánh giá và xử lý thông tin; Lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan; Quản lý doanh nghiệp.

3.3.4. Xây dựng hệ thống thu thập thông tin qua tin học hoá thống nhất, hoạt động có hiệu quả phục vụ cho công tác kiểm tra sau thông quan

Xuất phát từ thực tế lượng thông tin vào và ra phải xử lý là rất lớn, việc xây dựng một phần mềm tích hợp để khai thác có hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu đã và sẽ được phát triển phục vụ mục đích kiểm tra sau thông quan là rất cần thiết. Hệ cơ sở dữ liệu là điều kiện bắt buộc để mô hình có thể ra quyết định lựa chọn. Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan phải đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu kết nối thông suốt và đảm bảo tích hợp được với các phân hệ thu thập và xử lý thông tin đã và sẽ triển khai trong toàn ngành Hải quan cũng như đối với các đơn vị chức năng khác. Trong quá trình xử lý cần phải phân cấp xử lý, vì khả năng thông qua là hữu hạn, nhưng cần xử lý tập trung sau khi thông tin đã được sắp xếp theo mạch để cấp có thẩm quyền ra quyết định.

3.3.5. Đẩy mạnh công tác đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ thực thi mô hình kiểm tra sau thông quan

Cơ quan Hải quan cần tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là liên kết đào tạo quốc tế để trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan. Đồng thời, phải xây dựng được chương trình đào tạo chuẩn bao gồm cả lĩnh vực chuyên môn và lĩnh vực đạo đức nghề nghiệp.

3.3.6. Quan tâm hỗ trợ vật chất và tinh thần cho cán bộ làm công tác kiểm tra sau thông quan

Cho phép được hưởng nguồn kinh phí trích lập được từ kết quả truy thu số thuế ân lậu qua hoạt động kiểm tra sau thông quan, đồng thời sử dụng để phục vụ nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan: mua tin, trang thiết bị, thưởng phối hợp. Chế độ ưu đãi, cần quy định cụ thể về việc thăng tiến trong công việc, cơ hội được đào tạo trong nước và nước ngoài, chế độ thi đua khen thưởng. Thêm vào đó, cần quy định kỷ luật nghiêm khắc đối với những hành vi trái pháp luật.

3.3.7. Tăng cường quan hệ phối hợp, hợp tác trao đổi thông tin và đẩy mạnh tuyên truyền về công tác kiểm tra sau thông quan

Cần tăng cường hợp tác trao đổi thông tin cả trong nước và ngoài nước, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền cho cán bộ hải quan và cộng đồng doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Quá trình mô hình hóa kiểm tra sau thông quan là để phục vụ mục đích nghiên cứu, nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu để mô hình vận hành đạt hiệu quả cao nhất, phục vụ tiến trình cải cách hiện đại hóa. Với ý nghĩa như vậy, thông qua kết cấu của đề tài bao gồm 3 Chương và 12 mục, bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học, Luận án tiến sĩ kinh tế với đề tài “Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng cho Việt Nam” đã đạt được những kết quả như sau:

Thứ nhất, Luận án đã hệ thống hóa được những vấn đề có tính chất lý luận, cơ sở khoa học liên quan đến mô hình kiểm tra sau thông quan như khái niệm mô hình, phương pháp mô phỏng, điều khiển hệ thống, mô hình kiểm tra sau thông quan, các công cụ hỗ trợ. Luận án đã làm rõ được tầm quan trọng và sự cần thiết phải tiếp tục cải tiến, áp dụng mô hình mới về kiểm tra sau thông quan cho Hải quan Việt Nam. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng để làm căn cứ đề xuất mô hình mới cho Việt Nam.

Thứ hai, trên cơ sở thực tiễn công tác và nghiên cứu về hoạt động hải quan của 5 quốc gia và liên kết kinh tế trên thế giới (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp và ASEAN), Luận án đã rút ra được 5 bài học kinh nghiệm về mô hình kiểm tra sau thông quan cho Hải quan Việt Nam, đó là hệ thống pháp luật minh bạch; Cơ cấu tổ chức Hải quan các cấp phù hợp; Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực; Ứng dụng quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin; Bài học về công tác phối hợp.

Thứ ba là, Luận án đã phân tích những nét cơ bản thực trạng, ưu nhược điểm về mô hình kiểm tra sau thông quan hiện hành của Hải quan Việt Nam, ứng dụng mô hình SWOT đưa ra những đánh giá xác đáng về những điểm mạnh, yếu, thách thức và cơ hội đối với mô hình hiện hành, trong đó nhấn mạnh mô hình tổ chức hiện hành có sự chồng chéo, chưa phù hợp với xu thế phát triển, mô hình nghiệp vụ còn những bất cập trong cách lựa chọn đối tượng kiểm tra, thẩm quyền kiểm tra và xử lý vi phạm, cơ chế trao đổi thông tin, hệ thống đào tạo.

Thứ tư, từ kết quả Chương 1 và Chương 2, đặc biệt Chương 3 với 54 trang, Luận án đã đề xuất mô hình mới và các giải pháp để ứng dụng mô hình mới đáp ứng yêu cầu công việc. Luận án nhấn mạnh, dựa trên việc phân tích và đề xuất khắc phục các điểm yếu của mô hình hiện hành, mô hình mới với việc ứng dụng quản lý rủi ro triệt để là phù hợp với xu thế chung và có khả năng áp dụng cao, tuy có một số khó khăn trong giai đoạn đầu áp dụng.

Thứ năm, từ những nội dung phân tích và đánh giá của Luận án, có thể thấy rằng để tiếp tục ứng dụng thành công mô hình kiểm tra sau thông quan cần:

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ;
- Đổi mới tổ chức và bộ máy, tăng cường nguồn nhân lực là nhóm giải pháp đột phá, có vị trí quan trọng hàng đầu.
- Hiện đại hóa mô hình kiểm tra sau thông quan thông qua tự động hóa và quản lý quy trình bằng công nghệ mới.

Trong quá trình phân tích các nội dung của đề tài, Luận án đã được nhiều nhà khoa học giúp đỡ và góp ý. Chắc chắn rằng, do khả năng và điều kiện còn nhiều hạn chế, Luận án không thể tránh được những khiếm khuyết. Tác giả Luận án rất mong nhận được các ý kiến đóng góp để nội dung đề tài được thiết thực hơn.